

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO BƠM HẢI DƯƠNG

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014
(đã được soát xét)



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO BƠM HẢI DƯƠNG

Số 37 Đại lộ Hồ Chí Minh, Thành phố Hải Dương,

Tỉnh Hải Dương

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương tiền thân là Công ty Chế tạo Bơm Hải Dương được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 111723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hải Dương cấp ngày 16/01/1998. Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương theo Quyết định số 07/2004/QĐ-BCN của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) ngày 12/01/2004 và hoạt động theo Mã số doanh nghiệp 0800287016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 24/03/2004, thay đổi lần thứ 8 ngày 04/04/2013.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 37 Đại lộ Hồ Chí Minh, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 08/04/2014
Ông Phạm Mạnh Hà	Ủy viên	Thôi giữ chức chủ tịch từ ngày 08/04/2014
Ông Nguyễn Trọng Nam	Ủy viên	
Ông Nguyễn Đức Cách	Ủy viên	
Ông Phạm Tuấn Anh	Ủy viên	
Ông Ngô Văn Mẫn	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 08/04/2014

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Trọng Nam	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Cách	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Đình Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Quang Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Bà Bùi Thị Lệ Thủy	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thanh Yến	Trưởng ban
Bà Dương Việt Nga	Thành viên
Bà Nguyễn Thanh Thủy	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO BƠM HẢI DƯƠNG

Số 37 Đại lộ Hồ Chí Minh, Thành phố Hải Dương,
Tỉnh Hải Dương

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



Nguyễn Trọng Nam
Tổng Giám đốc

Hải Dương, ngày 15 tháng 07 năm 2014

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2014

Số: 0063-2013-002-1

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Tùng

Số: 2066-2013-002-1

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Kiểm toán viên

Bùi Thanh Cường



Công ty TNHH Hàng Kiểm toán AASC

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - "Công tác soát xét báo cáo tài chính". Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương tại ngày 30 tháng 06 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014.

Kính gửi: Quý Công đồng, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số: 1224/2014/BC.KTTC-AASC.KT2



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO BƠM HẢI DƯƠNG

Số 37 Đại lộ Hồ Chí Minh, Thành phố Hải Dương,
Tỉnh Hải Dương

Báo cáo tài chính
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		133.235.399.334	152.689.322.566
110	L. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	11.433.948.985	21.771.808.130
111	1. Tiền		7.433.948.985	16.271.808.130
112	2. Các khoản tương đương tiền		4.000.000.000	5.500.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		41.672.100.422	59.095.086.014
131	1. Phải thu của khách hàng		29.612.953.785	61.340.316.972
132	2. Trả trước cho người bán		20.177.872.446	6.861.950.350
135	5. Các khoản phải thu khác	4	154.645.347	169.071.230
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(8.273.371.156)	(9.276.252.538)
140	IV. Hàng tồn kho	5	75.799.621.829	70.608.064.842
141	1. Hàng tồn kho		76.721.656.429	71.530.099.442
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(922.034.600)	(922.034.600)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		4.329.728.098	1.214.363.580
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		358.531.756	310.705.774
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		1.541.752.041	-
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	6	2.429.444.301	903.657.806
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		62.447.270.242	64.230.314.561
220	II. Tài sản cố định		61.582.525.357	63.125.554.094
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	59.275.600.132	60.843.426.569
222	- Nguyên giá		102.102.371.883	100.155.187.214
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(42.826.771.751)	(39.311.760.645)
227	3. Tài sản cố định vô hình	8	1.961.294.138	2.042.800.220
228	- Nguyên giá		3.038.689.253	3.038.689.253
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.077.395.115)	(995.889.033)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	345.631.087	239.327.305
260	V. Tài sản dài hạn khác		864.744.885	1.104.760.467
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	864.744.885	1.001.692.285
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	24.2	-	103.068.182
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		195.682.669.576	216.919.637.127

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO BOM HẢI DƯƠNG

Số 37 Đại lộ Hồ Chí Minh, Thành phố Hải Dương,

Tỉnh Hải Dương

Báo cáo tài chính
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		129.030.903.561	159.964.238.122
310	I. Nợ ngắn hạn		128.430.903.561	124.196.965.395
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	11	50.247.509.810	49.347.903.599
312	2. Phải trả người bán		19.666.508.594	9.563.858.526
313	3. Người mua trả tiền trước		40.602.089.184	44.137.698.878
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	937.767.680	1.969.525.428
315	5. Phải trả người lao động		5.422.625.438	8.472.353.227
316	6. Chi phí phải trả	13	3.362.472.142	3.670.495.385
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	14	241.372.060	231.006.849
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	15	7.428.056.046	6.407.706.896
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		522.502.607	396.416.607
330	II. Nợ dài hạn		600.000.000	35.767.272.727
333	3. Phải trả dài hạn khác		600.000.000	600.000.000
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		-	35.167.272.727
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		66.651.766.015	56.955.399.005
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	55.273.426.902	56.499.906.907
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		27.586.800.000	27.586.800.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		4.121.612.131	4.121.612.131
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		12.105.505.854	11.105.505.854
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		650.000.000	650.000.000
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		10.809.508.917	13.035.988.922
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		11.378.339.113	455.492.098
432	1. Nguồn kinh phí	17	11.378.339.113	455.492.098
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		195.682.669.576	216.919.637.127

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO BƠM HẢI DƯƠNG

Số 37 Đại lộ Hồ Chí Minh, Thành phố Hải Dương,
Tỉnh Hải Dương

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng đô la Mỹ (USD)		266,99	266,87
- Đồng Bảng Anh (GBP)		196,59	196,59
- Đồng Krone Đan Mạch (DKK)		1.923,75	1.923,75

Nguyễn Thị Thu Thủy
Người lập

Bùi Thị Lệ Thủy
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Trọng Nam
Tổng Giám đốc

Hải Dương, ngày 15 tháng 07 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO BƠM HẢI DƯƠNG

Số 37 Đại lộ Hồ Chí Minh, Thành phố Hải Dương,
Tỉnh Hải Dương

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng	6 tháng
			đầu năm 2014	đầu năm 2013
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		117.568.251.182	100.698.906.913
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		337.258.927	200.657.354
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	117.230.992.255	100.498.249.559
11	4. Giá vốn hàng bán	19	87.515.654.356	75.891.494.994
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		29.715.337.899	24.606.754.565
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	164.312.264	249.741.948
22	7. Chi phí tài chính	21	1.675.605.411	1.740.383.489
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		1.472.468.609	1.391.890.225
24	8. Chi phí bán hàng	22	11.550.833.373	6.834.801.310
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	9.135.591.184	9.773.764.970
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		7.517.620.195	6.507.546.744
31	11. Thu nhập khác		12.545.788	3.000.000
32	12. Chi phí khác		234.165.990	11.364.000
40	13. Lợi nhuận khác		(221.620.202)	(8.364.000)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		7.295.999.993	6.499.182.744
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24.1	1.502.051.816	1.624.795.687
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	24.2	103.068.182	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>5.690.879.995</u>	<u>4.874.387.057</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	2.063	1.767

Nguyễn Thị Thu Thủy
Người lập

Bùi Thị Lệ Thủy
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Trọng Nam
Tổng Giám đốc

Hải Dương, ngày 15 tháng 07 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng	6 tháng
			đầu năm 2014	đầu năm 2013
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		118.008.620.303	103.980.182.519
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(107.620.198.209)	(97.750.276.768)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(18.017.360.813)	(14.683.803.035)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(1.517.325.489)	(1.354.197.187)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(1.400.650.625)	(1.351.136.788)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		16.665.365.180	1.937.714.470
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(9.933.116.883)	(2.689.872.814)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>(3.814.666.536)</i>	<i>(11.911.389.603)</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(2.071.651.084)	(1.921.421.095)
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		164.312.264	237.935.948
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>(1.907.338.820)</i>	<i>(1.683.485.147)</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		35.413.661.241	26.141.021.328
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(34.514.055.030)	(24.980.977.245)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(5.515.460.000)	-
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(4.615.853.789)</i>	<i>1.160.044.083</i>
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>		<i>(10.337.859.145)</i>	<i>(12.434.830.667)</i>
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		21.771.808.130	15.958.240.452
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	3	11.433.948.985	3.523.409.785



Nguyễn Thị Thu Thủy
Người lập



Bùi Thị Lệ Thủy
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Trọng Nam
Tổng Giám đốc

Hải Dương, ngày 15 tháng 07 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO BƠM HẢI DƯƠNG

Số 37 Đại lộ Hồ Chí Minh, Thành phố Hải Dương,
Tỉnh Hải Dương

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương tiền thân là Công ty Chế tạo Bơm Hải Dương được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 111723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hải Dương cấp ngày 16/01/1998. Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương theo Quyết định số 07/2004/QĐ-BCN của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) ngày 12/01/2004 và hoạt động theo Mã số doanh nghiệp 0800287016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 24/03/2004, thay đổi lần thứ 8 ngày 04/04/2013.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 37 Đại lộ Hồ Chí Minh, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương. Cơ sở sản xuất số 2 của Công ty tại: Số 2 Ngõ Quyền, Phường Cẩm Thượng, Thành phố Hải Dương.

Vốn điều lệ của Công ty là 27.586.800.000 đồng; tương đương 2.758.680 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) từ ngày 10 tháng 06 năm 2006 với mã giao dịch là CTB.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Hồ Chí Minh	TP Hồ Chí Minh	Kinh doanh máy bơm
Chi nhánh Hà Nội	TP Hà Nội	Kinh doanh máy bơm

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác (sản xuất các loại máy bơm, van nước, quạt công nghiệp, tuốc - bin nước, các sản phẩm cơ khí);
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại máy bơm, van nước, quạt công nghiệp, tuốc - bin nước, các sản phẩm cơ khí;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, máy móc thiết bị, phụ tùng phục vụ sản xuất kinh doanh của công ty;
- Xây lắp, sửa chữa các công trình cấp thoát nước, các hệ thống máy bơm, van và các sản phẩm khác của công ty;
- Chế tạo, cung ứng vật tư, thiết bị và lắp đặt các công trình điện hạ thế.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO BOM HẢI DƯƠNG

Số 37 Đại lộ Hồ Chí Minh, Thành phố Hải Dương,
Tỉnh Hải Dương

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.6 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25	năm
- Máy móc, thiết bị	04 - 08	năm
- Phương tiện vận tải	05 - 06	năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05	năm
- Tài sản cố định vô hình khác	15	năm

Quyền sử dụng đất của Công ty là quyền sử dụng đất không có thời hạn nên không thực hiện trích khấu hao.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “trương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

2.9 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.



12/06/2014

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.12 . Các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

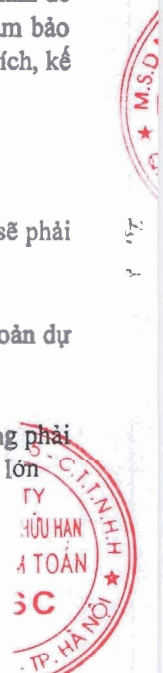
2.13 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.



2.14 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.15 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.16 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.17 . Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

311
CÔNG
- NHIỆ
3 KIẾ
A
- TIỀM

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO BOM HẢI DƯƠNGSố 37 Đại lộ Hồ Chí Minh, Thành phố Hải Dương,
Tỉnh Hải Dương

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	243.014.815	116.984.569
Tiền gửi ngân hàng	7.190.934.170	16.154.823.561
Các khoản tương đương tiền (*)	4.000.000.000	5.500.000.000
	11.433.948.985	21.771.808.130

(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 đến 02 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam-Chi nhánh Hải Dương với lãi suất 5,5%/năm.

4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu về bảo hiểm xã hội	31.788.114	88.340.301
Phải thu về bảo hiểm y tế	19.165.413	18.511.199
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	12.611.820	12.136.030
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay	25.000.000	25.000.000
Phải thu khác	66.080.000	25.083.700
	154.645.347	169.071.230

5 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	26.123.194.347	26.418.676.311
Công cụ, dụng cụ	919.876.508	853.211.807
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9.638.144.274	6.661.644.322
Thành phẩm	34.765.617.916	34.274.079.993
Hàng hoá	3.628.909.930	1.260.934.930
Hàng gửi đi bán	1.645.913.454	2.061.552.079
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(922.034.600)	(922.034.600)
	75.799.621.829	70.608.064.842

6 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	1.399.754.621	852.412.806
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	1.029.689.680	51.245.000
	2.429.444.301	903.657.806

105
TY
HUU
MTC
SC
TP.

M.S.D.N.
TP.HA
G

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO BƠM HẢI DƯƠNGSố 37 Đại lộ Hồ Chí Minh, Thành phố Hải Dương,
Tỉnh Hải Dương**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

7 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2014	57.269.108.719	31.077.772.976	11.187.530.701	620.774.818	100.155.187.214
Mua sắm	553.166.364	949.000.000	-	-	1.502.166.364
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	169.222.305	275.796.000	-	-	445.018.305
Phân loại lại	(69.809.091)	116.663.636	-	(46.854.545)	-
Tại ngày 30/06/2014	57.921.688.297	32.419.232.612	11.187.530.701	573.920.273	102.102.371.883
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2014	16.271.484.679	15.527.642.091	7.217.318.244	295.315.631	39.311.760.645
Trích khấu hao	1.541.648.606	1.484.514.764	421.021.330	67.826.406	3.515.011.106
Tại ngày 30/06/2014	17.813.133.285	17.012.156.855	7.638.339.574	363.142.037	42.826.771.751
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2014	40.997.624.040	15.550.130.885	3.970.212.457	325.459.187	60.843.426.569
Tại ngày 30/06/2014	40.108.555.012	15.407.075.757	3.549.191.127	210.778.236	59.275.600.132

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 40.600.006.625 đồng.
Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 23.688.640.676 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO BƠM HẢI DƯƠNG

Số 37 Đại lộ Hồ Chí Minh, Thành phố Hải Dương,
Tỉnh Hải Dương

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Chi phí đền bù GPMB cơ sở II	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2014	453.431.700	2.585.257.553	3.038.689.253
Tại ngày 30/06/2014	453.431.700	2.585.257.553	3.038.689.253
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2014	-	995.889.033	995.889.033
Trích khấu hao	-	81.506.082	81.506.082
Tại ngày 30/06/2014	-	1.077.395.115	1.077.395.115
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2014	453.431.700	1.589.368.520	2.042.800.220
Tại ngày 30/06/2014	453.431.700	1.507.862.438	1.961.294.138

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Tại ngày đầu kỳ	239.327.305	7.214.087.895
Tăng trong kỳ	839.492.507	1.289.389.347
Kết chuyển tăng tài sản cố định	(275.796.000)	(7.439.402.828)
Giảm khác	(457.392.725)	(555.700.864)
Tại ngày cuối kỳ	345.631.087	508.373.550

Trong đó chi tiết số dư cuối kỳ bao gồm:

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	44.023.300	54.047.514
Nhà kho xưởng Cơ khí	-	28.179.000
Nhà nén khí xưởng đúc	-	41.926.000
Nhà thay đồ xưởng đúc	-	78.313.791
Phòng thử cân bằng động	-	36.861.000
Bãi để xi lò sau xưởng đúc	-	54.047.514
Tháp nước 10m3	44.023.300	-
Mua sắm tài sản cố định	31.600.000	-
Máy khoan CNC 2014	11.400.000	-
Máy tiện CNC 2014	20.200.000	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	270.007.787	-
Sửa chữa lớn mái nhà xưởng Đúc	270.007.787	-
	345.631.087	239.327.305

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO BOM HẢI DƯƠNG

Số 37 Đại lộ Hồ Chí Minh, Thành phố Hải Dương,
Tỉnh Hải Dương

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Tại ngày đầu kỳ	1.001.692.285	1.718.250.149
Tăng trong kỳ	444.783.495	388.779.986
Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh	(581.730.895)	(617.760.687)
Tại ngày cuối kỳ	864.744.885	1.489.269.448
Trong đó chi tiết số dư cuối kỳ bao gồm:		
	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	598.375.336	395.444.765
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	79.647.936	503.092.795
Chi phí trả trước dài hạn khác	186.721.613	103.154.725
	864.744.885	1.001.692.285

11 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay ngắn hạn	50.247.509.810	49.347.903.599
Vay ngân hàng	28.191.716.833	28.422.603.211
Vay đối tượng khác	20.000.000.000	20.000.000.000
Vay cá nhân	2.055.792.977	925.300.388
	50.247.509.810	49.347.903.599

Chi tiết vay ngắn hạn

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam-CN Hải Dương (1)	18.156.367.018	18.807.149.357
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển-CN Hải Dương	-	1.480.150.300
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam-CN Hải Dương (2)	10.035.349.815	8.135.303.554
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (3)	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (4)	10.000.000.000	10.000.000.000
Cán bộ CNV Công ty (5)	2.055.792.977	925.300.388
	50.247.509.810	49.347.903.599

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

- (1) Hợp đồng tín dụng số 340063.02/2014-HỆTDHM/NHCT340-CTB ngày 12/03/2014, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 45 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Từ 12/03/2014 đến hết ngày 15/03/2015;
 - + Lãi suất cho vay: Quy định cụ thể từng lần nhận nợ, được điều chỉnh 1 tháng/lần;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Toàn bộ nhà xưởng, máy móc thiết bị với tổng giá trị là 45.925.000.000 đồng theo Hợp đồng đảm bảo số 110306/HỆTC, 10307/HỆTC ngày 30/06/2011 và văn bản sửa đổi bổ sung số 03/PL/110307/HỆTC ngày 14/05/2014.
- (2) Hợp đồng tín dụng số 232/08-13/HM/KD ngày 31/08/2013, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 60 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
 - + Lãi suất cho vay: theo lãi suất của VIB từng thời kỳ;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển và toàn bộ quyền đòi nợ và các khoản phải thu của Bên vay phát sinh từ các Hợp đồng kinh tế của Bên vay.
- (3) Hợp đồng vay vốn số 01/2012/HỆVV/TBĐVN-CTB ngày 01/06/2012 và các phụ lục kèm theo, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 10 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động;
 - + Thời hạn của hợp đồng: từ ngày 01/06/2012 đến 31/05/2013, tự động kéo dài đến khi có hợp đồng mới.
 - + Lãi suất cho vay: 09%/năm, từ 01/04/2014 đến nay áp dụng lãi suất 6%/năm;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.
- (4) Hợp đồng vay vốn số 01/2013/HỆVV/ĐC-BHD ngày 05/02/2013 và các phụ lục kèm theo, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 10 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động;
 - + Thời hạn của hợp đồng: đến khi bên cho vay có nhu cầu sử dụng (thông báo rút vốn cho vay bằng văn bản trước 10 ngày làm việc);
 - + Lãi suất cho vay: 09%/năm, lãi suất áp dụng hiện nay là 7%/năm;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.
- (5) Bao gồm các hợp đồng, thỏa thuận vay cán bộ công nhân viên trong Công ty nhằm huy động vốn lưu động với thời gian dưới 12 tháng và lãi suất các kỳ hạn được tính bằng lãi suất huy động trung bình của các ngân hàng thương mại cổ phần cộng thêm 2%.

110
ĐNG
NHIE
NG K
A
OÀN

11
3
3
H
O
J

11

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO BOM HẢI DƯƠNGSố 37 Đại lộ Hồ Chí Minh, Thành phố Hải Dương,
Tỉnh Hải Dương**Báo cáo tài chính**
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014**12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	83.075.877	1.029.966.823
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	801.869.753	700.468.562
Thuế Thu nhập cá nhân	52.822.050	239.090.043
	937.767.680	1.969.525.428

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13 . CHỈ PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	94.065.296	138.922.176
Phí bản quyền của hợp đồng Lixang AVK (*)	3.070.875.500	3.070.875.500
Phí kiểm toán Báo cáo tài chính	-	60.000.000
Chi phí lãi ký quỹ và chiết khấu Đại lý	-	400.697.709
Chi phí lắp đặt tổ bơm Nhậm Trảng	174.490.528	-
Chi phí hoa hồng Đại lý	23.040.818	-
	3.362.472.142	3.670.495.385

(*) Đây là khoản phí bản quyền gắn liền hợp đồng mua dây chuyền sản xuất van AVK của hãng AVK Đan Mạch. Tuy nhiên, do dây chuyền không hoạt động đúng theo công nghệ quy định trong hợp đồng nên Công ty đang đàm phán để giảm mức phải trả phí bản quyền này.

14 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	72.150.000	69.593.630
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	65.600.000	65.600.000
Phải trả cổ tức cho cổ đông	3.900.000	2.000.000
Phải trả, phải nộp khác	99.722.060	93.813.219
	241.372.060	231.006.849

15 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Dự phòng phải trả bảo hành sản phẩm	7.428.036.046	6.407.706.896
	7.428.036.046	6.407.706.896

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO BƠM HẢI DƯƠNG

Số 37 Đại lộ Hồ Chí Minh, Thành phố Hải Dương,
Tỉnh Hải Dương

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
6 tháng đầu năm 2013						
Tại ngày 01/01/2013	27.586.800.000	4.121.612.131	10.105.505.854	650.000.000	6.659.265.742	49.123.183.727
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	4.874.387.057	4.874.387.057
Trích quỹ Khen thưởng Phúc lợi và quỹ Thương ban điều hành	-	-	-	-	(1.165.000.000)	(1.165.000.000)
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	-	-	1.000.000.000	-	(1.000.000.000)	-
Tại ngày 30/06/2013	27.586.800.000	4.121.612.131	11.105.505.854	650.000.000	9.368.652.799	52.832.570.784
6 tháng đầu năm 2014						
Tại ngày 01/01/2014	27.586.800.000	4.121.612.131	11.105.505.854	650.000.000	13.035.988.922	56.499.906.907
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	5.690.879.995	5.690.879.995
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	(5.517.360.000)	(5.517.360.000)
Trích quỹ Khen thưởng Phúc lợi và quỹ Thương ban điều hành	-	-	-	-	(1.400.000.000)	(1.400.000.000)
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	-	-	1.000.000.000	-	(1.000.000.000)	-
Tại ngày 30/06/2014	27.586.800.000	4.121.612.131	12.105.505.854	650.000.000	10.809.508.917	55.273.426.902

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 295-2014/NQ-ĐHĐCĐ/CTB ngày 08/04/2014, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2013 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	8.541.723.180
Trích Quỹ đầu tư phát triển	11,71%	1.000.000.000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	16,39%	1.400.000.000
Chi trả cổ tức (bằng 20% vốn điều lệ)	64,59%	5.517.360.000
Lợi nhuận chưa phân phối	7,31%	624.363.180



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO BƠM HẢI DƯƠNG

Số 37 Đại lộ Hồ Chí Minh, Thành phố Hải Dương,
Tỉnh Hải Dương

Báo cáo tài chính
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	30/06/2014 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2014 VND
Vốn góp của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	65,02%	17.937.580.000	65,02%	17.937.580.000
Vốn góp của cổ đông khác	34,98%	9.649.220.000	34,98%	9.649.220.000
	100%	27.586.800.000	100%	27.586.800.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	27.586.800.000	27.586.800.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	27.586.800.000	27.586.800.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	27.586.800.000	27.586.800.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	5.517.360.000	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	5.517.360.000	-

d) Cổ phiếu

	30/06/2014	01/01/2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.758.680	2.758.680
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.758.680	2.758.680
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.758.680	2.758.680
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.758.680	2.758.680
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.758.680	2.758.680
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Quỹ đầu tư phát triển	12.105.505.854	11.105.505.854
Quỹ dự phòng tài chính	650.000.000	650.000.000
	12.755.505.854	11.755.505.854

17 . NGUỒN KINH PHÍ

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Nguồn kinh phí còn lại đầu kỳ	2.400.000.000	-
Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ	16.245.000.000	-
Chi sự nghiệp	(7.266.660.887)	-
Nguồn kinh phí còn lại cuối kỳ	11.378.339.113	-

Theo Quyết định 9069a/QĐ-BCT ngày 03 tháng 12 năm 2013, Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm được Bộ Công thương giao nhiệm vụ thực hiện dự án "Nghiên cứu thiết kế, hoàn thiện dây chuyền công nghệ, chế tạo bơm đặc thù và bơm công suất lớn phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu" với tổng mức kinh phí là 93.185 triệu đồng và thời gian thực hiện là 48 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO BƠM HẢI DƯƠNGSố 37 Đại lộ Hồ Chí Minh, Thành phố Hải Dương,
Tỉnh Hải Dương**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

18 . DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Doanh thu thuần về bán thành phẩm	103.893.958.447	82.433.942.814
Doanh thu thuần về bán hàng hóa	10.496.770.010	13.426.848.053
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	2.840.263.798	4.637.458.692
	117.230.992.255	100.498.249.559

19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	76.235.201.742	60.199.635.271
Giá vốn của hàng hóa đã bán	10.570.896.177	13.425.124.597
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	709.556.437	2.266.735.126
	87.515.654.356	75.891.494.994

20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	164.312.264	237.935.948
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	4.066.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	-	7.740.000
	164.312.264	249.741.948

21 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.472.468.609	1.391.890.225
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	177.344.140	305.940.064
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.717.662	12.205.200
Chi phí lãi ký quỹ Đại lý	24.075.000	30.348.000
	1.675.605.411	1.740.383.489

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO BƠM HẢI DƯƠNGSố 37 Đại lộ Hồ Chí Minh, Thành phố Hải Dương,
Tỉnh Hải Dương**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

22 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Chi phí nhân công	711.032.500	604.633.400
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	204.367.506
Chi phí bảo hành	2.047.280.350	518.228.300
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.215.785.616	1.670.568.415
Chi phí khác bằng tiền	6.576.734.907	3.837.003.689
	11.550.833.373	6.834.801.310

23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	892.153.652	810.604.997
Chi phí nhân công	4.410.092.100	3.889.780.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	729.078.149	699.306.204
Thuế, phí, lệ phí	786.632.800	695.417.250
Hoàn nhập dự phòng	(1.002.881.382)	(142.233.486)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.162.970.410	3.702.617.278
Chi phí khác bằng tiền	157.545.455	118.272.727
	9.135.591.184	9.773.764.970

24 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**24.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.295.999.993	6.499.182.744
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập tính thuế	7.295.999.993	6.499.182.744
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất hiện hành	1.605.119.998	1.624.795.687
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ này	(103.068.182)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.502.051.816	1.624.795.687

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO BOM HẢI DƯƠNGSố 37 Đại lộ Hồ Chí Minh, Thành phố Hải Dương,
Tỉnh Hải Dương**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

24.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ		103.068.182
	-	103.068.182
	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào Báo cáo kết quả kinh doanh		
Hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	103.068.182	
	103.068.182	-

25 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	5.690.879.995	4.874.387.057
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	5.690.879.995	4.874.387.057
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	2.758.680	2.758.680
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.063	1.767

26 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	58.627.748.600	47.353.623.885
Chi phí nhân công	16.784.743.492	13.546.042.447
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.596.517.188	3.820.082.522
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.945.342.632	6.990.018.886
Chi phí khác bằng tiền	11.632.431.856	7.915.470.674
	96.586.783.768	79.625.238.414

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO BƠM HẢI DƯƠNGSố 37 Đại lộ Hồ Chí Minh, Thành phố Hải Dương,
Tỉnh Hải Dương**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

27 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2014		01/01/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.433.948.985		21.771.808.130	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	29.767.599.132	(8.273.371.156)	61.509.388.202	(9.276.252.538)
	41.201.548.117	(8.273.371.156)	83.281.196.332	(9.276.252.538)
			Giá trị sổ kế toán	
			30/06/2014	01/01/2014
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			50.247.509.810	49.347.903.599
Phải trả người bán, phải trả khác			20.507.880.654	10.394.865.375
Chi phí phải trả			3.362.472.142	3.670.495.385
			74.117.862.606	63.413.264.359

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO BƠM HẢI DƯƠNGSố 37 Đại lộ Hồ Chí Minh, Thành phố Hải Dương,
Tỉnh Hải Dương**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2014				
Tiền và các khoản trương đương tiền	11.433.948.985			11.433.948.985
Phải thu khách hàng, phải thu khác	21.494.227.976			21.494.227.976
	32.928.176.961	-	-	32.928.176.961
Tại ngày 01/01/2014				
Tiền và các khoản trương đương tiền	21.771.808.130			21.771.808.130
Phải thu khách hàng, phải thu khác	52.233.135.664			52.233.135.664
	74.004.943.794	-	-	74.004.943.794

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2014				
Vay và nợ	50.247.509.810	-	-	50.247.509.810
Phải trả người bán, phải trả khác	19.907.880.654	600.000.000	-	20.507.880.654
Chi phí phải trả	3.362.472.142	-	-	3.362.472.142
	73.517.862.606	600.000.000	-	74.117.862.606
Tại ngày 01/01/2014				
Vay và nợ	49.347.903.599	-	-	49.347.903.599
Phải trả người bán, phải trả khác	9.794.865.375	600.000.000	-	10.394.865.375
Chi phí phải trả	3.670.495.385	-	-	3.670.495.385
	62.813.264.359	600.000.000	-	63.413.264.359

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO BƠM HẢI DƯƠNG

Số 37 Đại lộ Hồ Chí Minh, Thành phố Hải Dương,
Tỉnh Hải Dương

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

28 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

ÔNG
THIÊM
KIỂM
AS

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO BƠM HẢI DƯƠNGSố 37 Đại lộ Hồ Chí Minh, Thành phố Hải Dương,
Tỉnh Hải Dương

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

29 . BẢO CÁO BỘ PHẬN**Theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động sản xuất	Hoạt động thương mại		Các hoạt động khác	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND				
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	103.893.958.447	10.496.770.010	2.840.263.798	117.230.992.255	-	117.230.992.255
Chi phí bộ phận trực tiếp	76.235.201.742	10.570.896.177	709.556.437	87.515.654.356	-	87.515.654.356
Chi phí không phân bổ	20.672.347.017	987.566.027	537.804.660	22.197.717.704	-	22.197.717.704
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	6.986.409.688	(1.061.692.194)	1.592.902.701	7.517.620.195	-	7.517.620.195
Tài sản bộ phận trực tiếp	169.038.508.861	9.006.110.184	1.009.628.563	179.054.247.608	-	179.054.247.608
Tài sản không phân bổ	14.736.654.086	1.488.895.706	402.872.176	16.628.421.968	-	16.628.421.968
Tổng tài sản	183.775.162.947	10.495.005.890	1.412.500.739	195.682.669.576	-	195.682.669.576
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	32.858.319.813	2.204.078.529	213.390.100	35.275.788.442	-	35.275.788.442
Nợ phải trả không phân bổ	83.088.864.531	8.394.758.602	2.271.491.986	93.755.115.119	-	93.755.115.119
Tổng nợ phải trả	115.947.184.344	10.598.837.131	2.484.882.086	129.030.903.561	-	129.030.903.561

Theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

HAI DUONG
VAY
30

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO BƠM HẢI DƯƠNGSố 37 Đại lộ Hồ Chí Minh, Thành phố Hải Dương,
Tỉnh Hải Dương**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

30 . NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	6 tháng	6 tháng
		<u>đầu năm 2014</u>	<u>đầu năm 2013</u>
		VND	VND
Doanh thu			
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Cùng Công ty mẹ	2.441.658.144	4.584.633.589
Mua hàng			
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Cùng Công ty mẹ	21.529.925.000	17.160.534.000

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	<u>Mối quan hệ</u>	30/06/2014	01/01/2014
		VND	VND
Phải thu			
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Cùng Công ty mẹ	60.000.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ	25.000.000	-
Phải trả tiền hàng			
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Cùng Công ty mẹ	14.354.908.993	5.404.233.839
Phải trả gốc vay			
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Cùng Công ty mẹ	10.000.000.000	10.000.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ	10.000.000.000	10.000.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng	6 tháng
	<u>đầu năm 2014</u>	<u>đầu năm 2013</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.262.701.800	805.006.200

31 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.


 Nguyễn Thị Thu Thủy
 Người lập


 Bùi Thị Lệ Thủy
 Giám đốc Tài chính


 Nguyễn Trọng Nam
 Tổng Giám đốc



Hải Dương, ngày 15 tháng 07 năm 2014